TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2017/QĐST-HNGĐ	*Thọ Xuân, ngày 03 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa: Anh Lê Gia T, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và chị Lê Thị D, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Gia T và chị Lê Thị D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Lê Gia T và chị Lê Thị D tự nguyện, thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Gia T và chị Lê Thị D thống nhất vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Gia Bảo A, sinh ngày 13/10/2009, hiện đang ở với chị D; Chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Anh Lê Gia T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 600.000 đồng *(Sáu trăm nghìn đồng)* kể từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Gia T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản: Anh Lê Gia T và chị Lê Thị D thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Gia T và chị Lê Thị D thỏa thuận anh Lê Gia T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng; Anh Lê Gia T còn phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung; Tổng cộng 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000574 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND TT. L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến